

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27-01-2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Đàm Thị Thanh Loan**

Ông **Nguyễn Văn Tân**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Danh P**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Hộ khẩu thường trú: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp VT, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn U**, sinh năm 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh P trình bày:**

Vào năm 1991 thì ông và bà Nguyễn U chung sống với nhau như vợ chồng đến nay không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng ông có một con chung là Danh T, sinh năm 1998. Cháu T đã có gia đình sống riêng tư, đủ khả năng lao động. Quá trình chung sống vợ chồng ông không có tài sản chung cũng như không có nợ chung. Vợ chồng ông cũng không có nợ chung ai.

Thời gian đầu vợ chồng ông chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng ông bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng lẫn nhau từ đó hai người không có tiếng nói chung. Vợ chồng ông bắt đầu sống ly thân kể từ năm 2009 cho đến nay thì ông nhận thấy không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn lại được. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ông không có ai biết. Còn những vấn đề khác như tài sản chung, nợ chung, con chung thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn U trình bày:*

Bà và ông Danh P chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng vợ chồng bà không có đăng ký kết hôn. Còn về con chung, tài sản chung và nợ chung thì bà thống nhất lời trình bày của ông P. Trong cuộc sống hằng ngày thì vợ chồng bà luôn có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm nên vợ chồng bà đã ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng nhưng qua thời gian ly thân nhận thấy không thể giải quyết mâu thuẫn với nhau và không thể hàn gắn cuộc sống hôn nhân nên bà cũng đồng ý ly hôn với ông P. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà cũng không ai biết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ của đơn khởi kiện và đề nghị chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Danh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Danh P và bà Nguyễn U sống chung với nhau vào năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Trong khoảng thời gian sống chung thì ông bà cũng đã có một con chung. Lẽ ra, trong quá trình sống chung ông bà lo chí thú làm ăn để xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc, nhưng ngược lại trong cuộc sống chung giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo ông P trình bày nguyên nhân là do mâu thuẫn gia đình ngày càng nhiều, thường xuyên cự cãi, cuộc sống vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không còn thương yêu lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không thể chung sống với nhau như vợ chồng được nữa, nên ông và

bà U sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Vì vậy, ông yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà U. Còn bà U thì trình bày, quá trình sống chung bà và ông P cũng thường xuyên mâu thuẫn, cự cãi với nhau, nên ông bà sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay; ông P yêu cầu không công nhận vợ chồng, bà cũng đồng ý.

[3] Thấy rằng, từ những vấn đề phát sinh trong đời sống hằng ngày ông bà đã không có sự thông cảm cho nhau, nên đã làm cho gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, đời sống chung không còn hòa hợp với nhau nữa, nên ông bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 đến nay. Mặt khác, sau khi nộp đơn khởi kiện thì ông P và bà U đã nộp đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ nên Tòa án không tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng cho ông bà; Tại phiên tòa thì Tòa án cũng động viên ông bà về sống chung nhằm hàn gắn lại tình cảm gia đình, nhưng hai người vẫn kiên quyết giữ quan điểm yêu cầu ly hôn với nhau. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là chấp nhận yêu cầu của ông P và tuyên bố không công nhận quan hệ sống chung giữa ông P và bà U là vợ chồng.

[4] Con chung: Quá trình sống chung, ông bà có một con chung đã trưởng thành, ông P và bà U đều trình bày con chung của ông bà đủ khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân và không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Tài sản chung và nợ chung: ông bà không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Danh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình; bà Nguyễn U không phải chịu tiền án phí.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Danh P và bà Nguyễn U là vợ chồng.

[2] Về con chung: Các con của ông P và bà U trưởng thành, đủ khả năng lao động có gia đình tư riêng, không ai có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: ông P và bà U không yêu cầu xem xét, giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Danh P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006946 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, ông P đã thực hiện xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Thị Vàng